TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ	*Thạch An, ngày 07 tháng 04 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2023; về việc: Ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn **Nông Thị L** - sinh năm 19xx

Nơi cư trú: NL, thị trấn Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn **Nông Văn T** - sinh năm 19xx

Nơi cư trú: NL, thị trấn Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 04 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Chị Nông Thị L** - sinh năm 19xx

Nơi cư trú: NL, thị trấn Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- **Anh Nông Văn T** - sinh năm 19xx

Nơi cư trú: NL, thị trấn Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị L và anh Nông Văn T.

2.2. Về con chung: Chị Nông Thị L và anh Nông Văn T đều xác định có 01 người con chung: Nông Minh N, sinh ngày 18/11/20xx; Giới tính: Nam.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung như sau:

Anh Nông Văn T sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nông Minh N, sinh ngày 18/11/20xx cho đến khi con thành niên hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn chị Nông Thị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản chị Liễu thực hiện quyền này.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Chị Nông Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nông Minh N, sinh ngày 18/11/20xx là 1.000.000.đ (một triệu đồng)/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 04 năm 2023 đến khi con thành niên.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí:

Chị Nông Thị L và anh Nông Văn T mỗi người phải chịu 75.000.đ (Bẩy mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc ly hôn.

Chị Nông Thị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000.đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Nông Thị L tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc ly hôn và 150.000.đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng số tiền án phí chị Nông Thị L phải nộp là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001015 ngày 01 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS cùng cấp;
- UBND T.T Đ;
- Lưu HS; Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đã ký

Mã Hồng Nhung